

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẬP VÒ
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 67/2023/DS-ST

Ngày: 27- 9 - 2023

V/v tranh chấp chia di sản
thừa kế.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẬP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- P phân Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Than Văn Nội.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Trí Trung.

2. Ông Nguyễn Vạn Thế.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Kiều – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lập Vò, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Vò, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lập Vò xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 602/2022/TLST-DS ngày 12 tháng 12 năm 2022 về việc “tranh chấp chia di sản thừa kế” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 159/2023/QĐXX-ST ngày 15 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 148/2023/QĐST-DS ngày 05/9/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị P, sinh năm 1967, địa chỉ: Số 547, ấp A, xã MA, huyện L, tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Nguyễn Tuấn A, sinh năm: 1987; địa chỉ: Số 355A, ấp A, xã MA, huyện L, tỉnh Đồng Tháp là đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn chị Lê Thị P (Văn bản uỷ quyền ngày 25/5/2022) (có mặt).

- Bị đơn: Ông Lê Minh T, sinh năm 1969; địa chỉ: Số 41, ấp A, xã MA, huyện L, tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt).

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Lê Thanh S, sinh năm: 1978; địa chỉ: Số 41, ấp A, xã MA, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn chị Lê Thị P, do anh Nguyễn Tuấn A đại diện trình bày:

Chị Lê Thị P là con của bà Nguyễn Thị L (chết ngày 03/02/2019) và ông Lê Hoàng T1 (chết năm 1978), cha mẹ sinh được 03 người con gồm Lê Thị P, Lê Minh T và Lê Thanh S. Khi còn sống cha mẹ có tạo lập được diện tích đất là thửa đất số

116, tờ bản đồ số 3a diện tích là 784m², mục đích sử dụng là vườn, đất tọa lạc tại ấp A, xã MA, huyện L, tỉnh Đồng Tháp nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà mẹ chỉ đứng tên trong sổ mục kê. Cha mẹ chết không để lại di chúc, diện tích đất trên hiện nay anh Lê Minh T đang quản lý sử dụng một phần để cất nhà và một phần trên đó có căn nhà cây gỗ tạp của bà L thì sau khi bà L chết thì để không, không ai quản lý sử dụng do đó căn nhà đã xuống cấp hiện nay không còn giá trị sử dụng. Cha mẹ chị P không có con nuôi, không có con riêng, cha mẹ ruột của bà L và ông Tâm cũng đã chết từ lâu. Ông Tâm và bà L không Thái thực hiện nghĩa vụ tài sản nào. Hàng thừa kế thứ nhất của bà L và ông Tâm hiện nay chỉ có 03 người con là Lê Thị P, Lê Minh T và Lê Thanh S. Sau khi mẹ chết ba chị em chị P đã thỏa thuận chia thừa kế phần diện tích đất trên của mẹ để lại làm 03 phần và đã có cấm trụ để phân định phần đất được hưởng xong nhưng do anh T không đồng ý ký tên để làm thủ tục thừa kế nên không thực hiện được. Nay chị P yêu cầu Tòa án chia thừa kế diện tích đất do mẹ để lại tại thửa 116, tờ bản đồ số 3a (bản đồ địa chính chính quy là thửa 45, tờ bản đồ số 64) diện tích qua đo đạc thực tế là 599,1m² làm 03 phần mỗi người được hưởng một phần bằng nhau là 199,7m². Tuy nhiên, do anh T đã cất nhà kiên cố tại phần đất qua đo đạc thực tế có diện tích là 254,2m² do đó chị P đồng ý cho anh T được tiếp tục sử dụng diện tích là 254,2m² và không yêu cầu anh T phải có nghĩa vụ trả giá trị đất lại cho chị P. Cụ thể theo sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp ngày 28/02/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lấp Vò thì chị P yêu cầu được chia diện tích đất là 170m² trong phạm vi các mốc là M1, M2, M9, M10 về M1, giao cho anh T được quyền quản lý sử dụng diện tích đất là 254,2m² trong phạm vi các mốc M3, M4, M5, M6, M7, M8 về M3 và giao cho anh S phần diện tích đất còn lại là 174,9m² trong phạm vi các mốc M2, M3, M8, M9 về M2 theo sơ đồ đo đạc ngày 28/02/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lấp Vò. Tài sản trên đất thuộc phần đất của ai được chia thì người đó được tiếp tục quản lý, sử dụng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là anh Lê Thanh S trình bày:* Anh S là con của mẹ là Nguyễn Thị L (chết ngày 03/02/2019) và cha là Lê Hoàng T1 (chết năm 1978), cha mẹ sinh được 03 người con gồm Lê Thị P, Lê Minh T và Lê Thanh S. Khi còn sống cha mẹ có tạo lập được diện tích đất là thửa đất 116, tờ bản đồ số 3a (bản đồ địa chính chính quy là thửa đất số 45, tờ bản đồ số 64) diện tích là 784m² đất vườn, tọa lạc tại ấp A, xã MA, huyện L, tỉnh Đồng Tháp nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà mẹ chỉ đứng tên trong sổ mục kê. Cha mẹ chết không để lại di chúc, diện tích đất trên hiện nay anh Lê Minh T đang quản lý sử dụng, hàng thừa kế thứ nhất của cha mẹ hiện nay là Lê Thị P, Lê Minh T và Lê Thanh S. Nay anh S thống nhất chia thừa kế phần diện tích đất của cha mẹ để lại theo như yêu cầu của chị P. Cụ thể: anh S yêu cầu được chia diện tích đất là 174,9m², mục đích sử dụng là vườn trong phạm vi các mốc M2, M3, M8, M9 về M2 đồng ý giao cho chị P diện tích đất là 170m², mục đích sử dụng là vườn, trong phạm vi các mốc là M1, M2, M9, M10 về M1 và đồng ý giao cho anh T được quyền quản lý sử dụng diện tích đất là 254,2m², mục đích sử dụng là vườn, trong phạm vi các mốc M3, M4, M5, M6, M7, M8 về M3 theo sơ đồ đo đạc ngày 28/02/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lấp Vò. Không yêu cầu anh T trả giá trị đất do nhận diện tích đất nhiều hơn kỷ phần được hưởng. Tài sản trên đất chỉ có căn nhà và hàng rào do anh T xây dựng ở trên đất thuộc phần đã chia

cho anh T, còn căn nhà của mẹ ở khi còn sống là căn nhà gỗ tạp trên phần đất mà anh S yêu cầu, hiện nay đã xuống cấp không thể sử dụng được sắp sập nên anh S thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn là anh Lê Minh T từ khi tòa án thụ lý vụ án đến nay không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

- *Tại phiên toà sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp phát biểu quan điểm:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử sơ thẩm và Thư ký phiên toà từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Xác định đúng quan hệ tranh chấp và tư cách đương sự trong vụ án. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và chấp hành nghiêm chỉnh nội quy phiên toà.

Về giải quyết vụ án: Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị P và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Lê Thanh S về việc chia thừa kế theo pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia tài sản do cha mẹ để lại nên quan hệ tranh chấp được xác định là “Tranh chấp chia di sản thừa kế” và diện tích đất tranh chấp tại huyện Lấp Vò do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò theo quy định tại Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn là anh Lê Minh T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không có lý do. Do đó, áp dụng Điều 227 và Điều 228 tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông T.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1944 và ông Lê Hoàng T, sinh năm: 1943 là vợ chồng có 03 người con gồm Lê Thị P, Lê Minh T và Lê Thanh S. Ông Lê Hoàng T chết năm 1978, thời điểm này không làm khai tử. Bà Nguyễn Thị L chết ngày 03/02/2019 theo giấy trích lục khai tử số 57/TLKT-BS do Ủy ban nhân dân xã Bình P cấp ngày 13/02/2019. Bà L và ông Tâm chết không để lại di chúc. Bà L và ông Tâm không có con riêng, con nuôi nào khác, cha mẹ ruột ông Tâm và bà L cũng đã chết từ lâu và bà L không Thái thực hiện nghĩa vụ tài sản nào. Những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà L tại thời điểm mở thừa kế là chị Lê Thị P, anh Lê Minh T và anh Lê Thanh S. Di sản thừa kế của bà L là thửa đất số 116, tờ bản đồ số 3a (bản đồ địa chính chính quy là thửa đất số 45, tờ bản đồ số 64), mục đích sử dụng là đất Vườn; địa chỉ thửa đất ấp An Bình, xã Bình P, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà bà L là người đứng tên trong sổ mục kê. Ngoài ra không còn tài sản nào khác.

[2.2] Căn cứ các tài liệu quản lý đất đai tại địa phương và lời trình bày của chị P và anh S đều xác định diện tích đất qua đo đạc thực tế có diện tích là 599,1m² thuộc thửa đất số 116, tờ bản đồ số 3a (bản đồ địa chính chính quy là thửa đất số 45, tờ bản đồ số 64), mục đích sử dụng là đất vườn; địa chỉ thửa đất ấp An Bình, xã Bình P, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp hiện đang do anh Lê Minh T cất nhà và quản lý sử dụng diện tích đất đo đạc thực tế là 254,2m² trong phạm vi các mốc M3, M4, M5, M6, M7, M8 về M3, phần còn lại là căn nhà của bà L ở trên đất. Theo UBND huyện Lấp Vò, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lấp Vò và UBND xã Bình P đều xác định bà Nguyễn Thị L đứng tên trong sổ mục kê nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Chị P và anh S đều thừa nhận diện tích đất 599,1m² là của bà L để lại và trên đất có 01 ngôi nhà bằng gỗ được mẹ cất từ trước giải phóng và một ngôi nhà cấp 4 được anh T xây dựng từ năm 2013. Đồng thời, chính quyền địa phương cũng xác nhận nguồn gốc thửa đất là của bà L và theo sổ sách quản lý đất đai của địa phương thì diện tích đất trên là đất vườn vẫn đứng tên bà L là thuộc quyền quản lý sử dụng của bà L không phải là đất do Nhà nước sử dụng. Phía chị P và anh S đều thừa nhận phần diện tích đất tranh chấp là của mẹ chết để lại. Ông Tâm chết từ năm 1978, không để lại di chúc. Sau khi ông Tâm chết thì phần diện tích đất này do bà L quản lý sử dụng cho đến khi bà L chết vào năm 2019. Do đó, đủ cơ sở xác định diện tích quyền sử dụng diện tích 599,1m² là di sản do bà Nguyễn Thị L để lại.

[2.3] Chị Lê Thị P và anh Lê Thanh S yêu cầu Tòa án giải quyết chia di sản thừa kế của bà L để lại theo pháp luật. Còn anh T thì không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với lời trình bày và yêu cầu của chị P và anh S. Xét thấy:

Do bà L chết không để lại di chúc nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 650 Bộ luật dân sự thì phần di sản của bà L sẽ được chia theo pháp luật. Chị P và anh S yêu cầu chia di sản thừa kế của bà L ra làm 03 phần mỗi người được hưởng một phần bằng hiện vật là phù hợp theo quy định tại Điều 651 Bộ luật dân sự. Còn anh S không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị P và anh S, anh T cũng không đến Tòa án để giải quyết vụ kiện. Như vậy, việc anh T vắng mặt được xem là đã từ bỏ quyền trình bày và đưa ra chứng cứ để chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật của chị P và anh S.

[2.4] Về vị trí đất được chia phía chị P do anh Tuấn A đại diện và anh S đều thừa nhận trên thửa đất tranh chấp ông T có cất một căn nhà cấp 4 ở và làm hàng rào xung quanh trên đất và căn nhà gỗ của mẹ chết để lại nhưng hiện nay đã xuống cấp không còn giá trị sử dụng. Phía anh S và anh Tuấn Anh đồng ý phần đất mà anh T đã cất nhà ở thì khi chia đất sẽ giao phần đất tại vị trí có nhà trên đất anh T quản lý sử dụng. Theo đó, chị P và anh S yêu cầu được chia diện tích đất thể hiện theo sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp ngày 28/02/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lấp Vò thì chị P yêu cầu được chia diện tích đất là 170m² trong phạm vi các mốc là M1, M2, M9, M10 về M1. Anh S được chia phần diện tích đất là 174,9m² trong phạm vi các mốc M2, M3, M8, M9 về M2. Phần diện tích đất còn lại là 254,2m² trong phạm vi các mốc M3, M4, M5, M6, M7, M8 về M3 thì giao cho anh T. Tài sản trên đất thuộc phần đất của ai được chia thì người đó được tiếp tục quản lý, sử dụng. Xét thấy, phần đất tranh chấp đều giáp Quốc lộ 54

thuận tiện cho việc sử dụng nên việc chia đất theo vị trí mà chị P và anh S yêu cầu là phù hợp, đảm bảo việc sử dụng đất của các bên nên chấp nhận.

[2.5] Như vậy, Hội đồng xét xử quyết định chia thừa kế quyền sử dụng đất là di sản của bà L như sau: Chia cho chị P diện tích đất là 170m² mục đích sử dụng là đất vườn trong phạm vi các mốc là M1, M2, M9, M10 về M1. Chia cho anh S phần diện tích đất là 174,9m² mục đích sử dụng là đất vườn trong phạm vi các mốc M2, M3, M8, M9 về M2. Chia cho ông T diện tích đất còn lại là 254,2m² mục đích sử dụng là đất vườn trong phạm vi các mốc M3, M4, M5, M6, M7, M8 về M3 theo sơ đồ đo đạc phân đất tranh chấp ngày 28/02/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lấp Vò.

[2.6] Về tài sản có trên đất các đương sự đều thừa nhận phần đất chia có tài sản trên đất thì người đó được tiếp tục quản lý sử dụng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định mỗi bên đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo mức tương ứng với giá trị phần tài sản mà họ được chia, được hưởng trong khối tài sản chung hoặc trong khối di sản thừa kế. Như vậy, chị P được chia 170m² đất vườn $\times 150.000\text{đ}/\text{m}^2 = 25.500.000\text{đ} \times 5\% = 1.275.000$ đồng. Anh S được chia 174,9m² đất vườn $\times 150.000\text{đ}/\text{m}^2 = 26.275.000\text{đ} \times 5\% = 1.311.750$ đồng (làm tròn 1.312.000 đồng). Anh T được chia 254,2m² đất vườn $\times 150.000\text{đ}/\text{m}^2 = 38.130.000\text{đ} \times 5\% = 1.906.500$ đồng.

[4] Về chi phí tố tụng: Số tiền xem xét, thẩm định tại chỗ và đo đạc là 3.094.000 đồng và chi phí định giá là 600.000 đồng, tổng cộng là 3.694.000đ (Ba triệu sáu trăm chín mươi bốn nghìn đồng). Tại phiên tòa, anh Tuấn Anh đại diện cho nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ số tiền này. Xét thấy đây là sự tự nguyện của nguyên đơn và phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

[5] Xét lời trình bày và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa ngày hôm nay là phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 5 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 147, Điều 157 và Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 611, Điều 612, Điều 613, Điều 623, Điều 649, Điều 650; điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 651, Điều 660 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập anh Lê Thanh S.

1.1. Chia cho chị Lê Thị P được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất đo đạc thực tế là 170m², mục đích sử dụng là đất vườn, trong phạm vi các mốc là M1, M2, M9, M10 về M1 theo sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp ngày 28/02/2023

của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lấp Vò, thuộc một phần thửa đất thửa đất 116, tờ bản đồ số 3a (bản đồ địa chính chính quy là thửa đất số 45, tờ bản đồ số 64) tọa lạc tại ấp An Bình, xã Bình P, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp do bà Lê Thị L đứng tên trong sổ mục kê.

1.2. Chia cho anh Lê Thanh S được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất đo đạc thực tế là 174,9m² trong phạm vi các mốc M2, M3, M8, M9 về M2 theo sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp ngày 28/02/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lấp Vò, thuộc một phần thửa đất thửa đất 116, tờ bản đồ số 3a (bản đồ địa chính chính quy là thửa đất số 45, tờ bản đồ số 64) tọa lạc tại ấp An Bình, xã Bình P, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp do bà Lê Thị L đứng tên trong sổ mục kê.

1.3. Chia cho anh Lê Minh T được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất đo đạc thực tế là 254,2m² trong phạm vi các mốc M3, M4, M5, M6, M7, M8 về M3 theo sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp ngày 28/02/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lấp Vò, thuộc một phần thửa đất thửa đất 116, tờ bản đồ số 3a (bản đồ địa chính chính quy là thửa đất số 45, tờ bản đồ số 64) tọa lạc tại ấp An Bình, xã Bình P, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp do bà Lê Thị L đứng tên trong sổ mục kê.

1.4. Các đương sự có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất được chia theo quy định của pháp luật.

(Kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 17/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò và sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp số 45/SĐ.ĐD/CNVP.ĐKĐĐ ngày 28/02/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lấp Vò).

2. Về án phí:

2.1. Chị Lê Thị P phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.275.000đ (Một triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng). Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị P đã nộp là 3.512.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0016270 ngày 08/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lấp Vò. Chị P còn được nhận lại số tiền chênh lệch là 2.237.000đ (Hai triệu hai trăm ba mươi bảy nghìn đồng).

2.2. Buộc anh Lê Thanh S phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.312.000đ (Một triệu ba trăm mười hai nghìn đồng). Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh S đã nộp là 500.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0016665 ngày 23/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lấp Vò. Số tiền án phí anh S phải nộp tiếp là 812.000đ (Tám trăm mười hai nghìn đồng).

2.3. Buộc anh Lê Minh T phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.906.500đ (Một triệu chín trăm lẻ sáu nghìn năm trăm đồng).

3. Về chi phí tố tụng: Số tiền xem xét, thẩm định, đo đạc và định giá là 3.694.000đ (Ba triệu sáu trăm chín mươi bốn nghìn đồng) chị P tự nguyện nộp. Số tiền này chị Lê Thị P đã nộp và chi xong.

4. Về kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Riêng đương sự vắng mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND H.Lấp Vò;
- Chi cục THADS H.Lấp Vò;
- Lưu: VP- Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phan Văn Nội